

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Trần Phi Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thanh N; Sinh năm: 1979; (có mặt)

Địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau;

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ; Sinh năm: 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Võ Thanh N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/10/2013. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Võ Thanh Ngân, sinh ngày 20/01/2014. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án này cho ông Trần Văn Đ nhưng ông Đ không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Văn Đ. Đây là tra nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Đ có nơi cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh tế theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 17/10/2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 27/6/2022 của bà N được chính quyền địa phương xác nhận. Xét thấy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để ông bà có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ vẫn vắng mặt là không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Điều đó, cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Võ Thanh Ngân, sinh ngày 20/01/2014 hiện đang ở với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngân, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Ngân đang sống ổn định với bà N, tại tờ tự khai ngày 01/6/2022 cháu Ngân có nguyện vọng được sống với bà N và ông Đ cũng không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung của bà N nên cần giao cháu Ngân cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp, do bà N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà N đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đổi trừ, không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Trần Văn Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh N về việc ly hôn với ông Trần Văn Đ

Về hôn nhân: Bà Võ Thanh N được ly hôn với Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Võ Thanh Ngân, sinh ngày 20/01/2014 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/6/2022 bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã B
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Phạm Lan Chi**